

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GÂY RA TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

NGUYỄN THỊ PHONG THỦY

Giám đốc Cao cấp Quản lý hệ thống Văn bản nội bộ
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
Head of Internal Document Management,
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)
Email: phongthuy29@gmail.com

Ngày nhận bài: 6/7/2026

Ngày sửa bài: 24/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 7/8/2026

Tóm tắt:

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những thay đổi đáng kể trong hoạt động của các ngân hàng thương mại, đồng thời đặt ra những vấn đề mới về trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do hệ thống AI gây ra. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, thông qua phân tích, tổng hợp và so sánh các quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan, nhằm làm rõ cơ chế xác định trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại phát sinh từ hệ thống AI trong hoạt động ngân hàng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số thách thức trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm và cơ chế phân bổ trách nhiệm đối với các thiệt hại do AI gây ra. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế trách nhiệm pháp lý, góp phần bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong hoạt động ngân hàng.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, trách nhiệm pháp lý, thiệt hại, ngân hàng thương mại, Luật Trí tuệ nhân tạo.

Legal liability for damage caused by Artificial Intelligence systems in banking operations

Abstract:

Artificial intelligence is increasingly transforming commercial banking while creating new legal issues concerning damage caused by AI systems. This study employs qualitative methods, including analysis, synthesis, and comparison of Vietnam's 2025 Law on Artificial Intelligence and related legislation, to clarify mechanisms for determining legal liability for AI-related harm in banking operations. The findings identify major challenges in determining responsible parties and allocating liability among AI developers, providers, deployers, and other actors throughout the AI lifecycle. Difficulties are compounded by autonomous system behavior, complex causal relationships, and the "black-box" nature of certain AI models. The study proposes recommendations for improving the legal liability framework to enhance accountability, banking safety, and the effective application of AI technologies.

Keywords: artificial intelligence, legal liability, damages, commercial banks, Law on Artificial Intelligence

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo đang trở thành một trong những công nghệ có ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình chuyển đổi số trong ngành ngân hàng. Sự phát triển của các mô hình phân tích dữ liệu, học máy và AI tạo sinh giúp các tổ chức tín dụng nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện chất lượng dịch vụ và hỗ trợ quản trị rủi ro. Tuy nhiên, cùng với các lợi ích đó là những rủi ro pháp lý mới xuất hiện khi các quyết định hoặc khuyến nghị do hệ thống AI tạo ra có thể tác động trực tiếp đến khách hàng hoặc bên thứ ba.

Khác với các phần mềm thông thường, hệ thống AI có khả năng tự thích nghi sau khi triển khai và có thể tạo ra các kết quả đầu ra ngoài dự liệu ban đầu của người phát triển. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã thừa nhận đặc điểm này khi định nghĩa AI là hệ thống có khả năng suy luận từ dữ liệu đầu vào để tạo ra các dự đoán, khuyến nghị hoặc quyết định có thể ảnh hưởng đến môi trường vật lý hoặc môi trường số.

Trong bối cảnh đó, một vấn đề pháp lý quan trọng được đặt ra là: khi hệ thống AI gây thiệt hại cho khách hàng hoặc tổ chức khác trong quá trình hoạt động ngân hàng thì chủ thể nào phải chịu trách nhiệm? Liệu trách nhiệm thuộc về nhà phát triển hệ thống AI, nhà cung cấp giải pháp hay ngân hàng với tư cách là bên triển khai? Các quy định hiện hành đã đủ cơ sở để xử lý các tình huống này hay chưa?

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu tập trung vào quản trị rủi ro AI hoặc bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng các nghiên cứu chuyên sâu về chế định trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do AI gây ra trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng tới.

Bài viết được thực hiện nhằm phân tích cơ sở pháp lý xác định trách nhiệm đối với thiệt hại do AI gây ra trong hoạt động ngân hàng, đánh giá những khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý hiện hành.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở 3 nền tảng lý thuyết chính.

Thứ nhất, lý thuyết trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng chỉ ra bất kỳ chủ thể nào gây thiệt hại cho người khác đều phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, lý thuyết trách nhiệm đối với sản phẩm và dịch vụ nhấn mạnh trách nhiệm của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp khi sản phẩm hoặc dịch vụ do mình cung cấp gây thiệt hại cho người sử dụng.

Thứ ba, lý thuyết quản trị AI (AI Governance) tiếp cận AI như một hệ thống bao gồm nhiều chủ thể cùng tham gia vào quá trình phát triển và triển khai. Theo cách tiếp cận này, trách nhiệm pháp lý cần được xem xét trên toàn bộ vòng đời của hệ thống AI thay vì chỉ tập trung vào một chủ thể duy nhất.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích, tổng hợp và so sánh các quy định pháp luật.

Nguồn tài liệu nghiên cứu bao gồm Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, các văn bản hướng dẫn Luật Trí tuệ nhân tạo và các tài liệu nghiên cứu về AI Governance trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Thiệt hại pháp lý có thể phát sinh từ hệ thống AI trong hoạt động ngân hàng

Một trong những đặc điểm đáng chú ý của hệ thống AI là khả năng tạo ra các kết quả đầu ra trên cơ sở dữ liệu và mô hình suy luận mà không phải lúc nào con người cũng có thể dự đoán trước. Chính vì vậy, nguy cơ phát sinh thiệt hại trong quá trình vận hành hệ thống AI luôn tồn tại.

Trong hoạt động ngân hàng, thiệt hại có thể phát sinh dưới nhiều hình thức khác nhau như cung cấp

thông tin không chính xác cho khách hàng, đưa ra các khuyến nghị thiếu phù hợp, xử lý sai dữ liệu, đánh giá không chính xác các dấu hiệu bất thường hoặc tạo các kết quả đầu ra dẫn đến tổn thất tài chính, uy tín hoặc quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

Pháp luật Việt Nam đang tiếp cận AI dưới góc độ quản lý rủi ro và yêu cầu các bên tham gia phải chủ động nhận diện, kiểm soát và xử lý các sự cố có khả năng gây tổn hại đến con người, tài sản và dữ liệu. Điều này cho thấy trách nhiệm pháp lý trong môi trường AI không chỉ phát sinh sau khi xảy ra thiệt hại mà còn gắn liền với nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro ngay từ đầu.

3.2. Cách tiếp cận của Luật Trí tuệ nhân tạo đối với trách nhiệm pháp lý

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 là việc xác định rõ các chủ thể tham gia hoạt động AI, bao gồm nhà phát triển (developer), nhà cung cấp (provider), bên triển khai (deployer), người sử dụng (user) và người bị ảnh hưởng (affected person).

Cách tiếp cận này phản ánh thực tế AI không phải là sản phẩm của một chủ thể duy nhất. Trong nhiều trường hợp, một tổ chức phát triển mô hình AI, một tổ chức khác cung cấp giải pháp, trong khi ngân hàng là bên triển khai hệ thống vào hoạt động thực tế.

Việc luật hóa các chủ thể này mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc xác định trách nhiệm. Thay vì áp dụng cách tiếp cận truyền thống chỉ tập trung vào nhà sản xuất hoặc người sử dụng, Luật Trí tuệ nhân tạo thiết lập cơ chế trách nhiệm dựa trên vai trò cụ thể của từng chủ thể trong vòng đời hệ thống AI.

Nghị định số 142/2026/NĐ-CP đã tiếp tục cụ thể hóa cách tiếp cận này thông qua việc quy định nghĩa vụ của nhà cung cấp và bên triển khai trong hoạt động phân loại rủi ro, đánh giá sự phù hợp, quản lý rủi ro, giám sát của con người, minh bạch thông tin, giải trình và xử lý sự cố. Theo đó, trách nhiệm pháp lý của mỗi chủ thể không chỉ được xác định tại thời điểm xảy ra thiệt hại mà còn được đánh giá dựa trên việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro trong toàn bộ vòng đời hệ thống AI.

Đây được xem là tiền đề pháp lý quan trọng để xử lý các tranh chấp phát sinh trong tương lai khi hệ thống AI gây thiệt hại cho khách hàng hoặc đối tác của ngân hàng.

3.3. Khó khăn trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thách thức lớn nhất hiện nay không nằm ở việc xác định có thiệt hại xảy ra hay không mà nằm ở việc xác định ai là người phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại đó.

Trong môi trường công nghệ truyền thống, việc xác định lỗi thường dựa trên hành vi trực tiếp của cá nhân hoặc tổ chức. Tuy nhiên, đối với AI, kết quả đầu ra được hình thành từ sự tương tác giữa dữ liệu, thuật toán, mô hình và môi trường vận hành.

Ví dụ, một sự cố có thể xuất phát từ dữ liệu không đầy đủ, từ lỗi thiết kế mô hình, từ quá trình tinh chỉnh hoặc từ việc hệ thống học được các hành vi ngoài dự kiến sau khi triển khai. Trong trường hợp đó, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của từng chủ thể với thiệt hại thực tế là rất phức tạp.

Tính chất “hộp đen” của nhiều hệ thống AI cũng làm gia tăng khó khăn trong việc chứng minh lỗi. Ngay cả khi kết quả đầu ra được xác định là sai lệch thì việc giải thích nguyên nhân hình thành kết quả đó không phải lúc nào cũng khả thi.

Bảng 1. So sánh các cách tiếp cận xác định trách nhiệm pháp lý đối với hệ thống AI

Cách tiếp cận	Chủ thể chịu trách nhiệm chính	Ưu điểm	Hạn chế
Trách nhiệm dựa trên lỗi	Chủ thể có lỗi	Phù hợp nguyên tắc trách nhiệm dân sự truyền thống	Khó chứng minh lỗi trong môi trường AI

Trách nhiệm của nhà phát triển	Nhà phát triển hệ thống AI	Gắn với chủ thể tạo ra thuật toán	Khó kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành thực tế
Trách nhiệm của bên triển khai	Tổ chức sử dụng AI	Bảo vệ tốt hơn quyền lợi người bị thiệt hại	Tăng gánh nặng pháp lý cho bên triển khai
Trách nhiệm hỗn hợp	Nhà phát triển, nhà cung cấp và bên triển khai	Phản ánh đầy đủ vòng đời hệ thống AI	Khó xác định phạm vi và tỷ lệ trách nhiệm của từng chủ thể

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Luật Trí tuệ nhân tạo 2025, AI Act của Liên minh châu Âu và các nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý đối với AI

Bảng 1 cho thấy, mỗi cách tiếp cận đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Nếu tiếp tục áp dụng hoàn toàn cơ chế trách nhiệm dựa trên lỗi theo pháp luật dân sự truyền thống, người bị thiệt hại có thể gặp khó khăn trong việc chứng minh lỗi và mối quan hệ nhân quả trong môi trường AI. Ngược lại, việc quy trách nhiệm hoàn toàn cho bên triển khai cũng có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và hạn chế đổi mới sáng tạo. Vì vậy, xu hướng lập pháp hiện nay tại nhiều quốc gia là xây dựng cơ chế trách nhiệm hỗn hợp dựa trên vai trò của từng chủ thể trong vòng đời hệ thống AI. Đây cũng là hướng tiếp cận đã bước đầu được thể hiện trong Luật Trí tuệ nhân tạo của Việt Nam thông qua việc xác định rõ trách nhiệm của nhà phát triển, nhà cung cấp và bên triển khai hệ thống AI.

Đây là một trong những lý do khiến nhiều quốc gia đang nghiên cứu các cơ chế trách nhiệm đặc thù đối với AI thay vì áp dụng hoàn toàn các nguyên tắc trách nhiệm dân sự truyền thống.

3.4. Trách nhiệm bồi thường đối với hệ thống AI rủi ro cao

3.4.1. Trách nhiệm bồi thường

Theo Nghị định số 142/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo, các hệ thống AI có rủi ro cao và hệ thống AI có rủi ro trung bình phải tuân thủ nhiều nghĩa vụ pháp lý nghiêm ngặt hơn so với các hệ thống AI thông thường, trong đó có quy định về việc bồi thường thiệt hại ngay cả trong một số trường hợp không cần chứng minh yếu tố lỗi theo cách tiếp cận truyền thống.

Nếu định hướng này tiếp tục được cụ thể hóa trong các văn bản hướng dẫn, đây sẽ là thay đổi quan trọng trong chế định trách nhiệm dân sự liên quan đến AI tại Việt Nam.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg đã chính thức xác định 2 nhóm hệ thống AI thuộc danh mục rủi ro cao gồm:

- (i) Hệ thống AI tự động thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng khi có khả năng tự tạo, sửa đổi, xác nhận hoặc phê duyệt giao dịch giá trị cao mà không có sự phê duyệt của con người;
- (ii) Hệ thống AI tự động quyết định cấp tín dụng khi hệ thống trực tiếp đưa ra quyết định phê duyệt hoặc từ chối tín dụng mà không có sự phê duyệt độc lập của cán bộ tín dụng.

Cách tiếp cận dựa trên rủi ro có ý nghĩa đặc biệt bởi một số hệ thống AI có thể tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích tài chính của khách hàng. Khi mức độ tác động càng lớn thì yêu cầu về trách nhiệm pháp lý càng phải được tăng cường tương ứng.

3.4.2. Vai trò của cơ chế giám sát và can thiệp của con người trong việc xác định trách nhiệm pháp lý

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Nghị định số 142/2026/NĐ-CP là yêu cầu bắt buộc đối với các hệ thống AI có rủi ro cao phải duy trì cơ chế giám sát thực chất của con người. Theo quy định, người thực hiện giám sát phải được cung cấp đầy đủ thông tin, thẩm quyền và khả năng can thiệp để đánh giá độc lập, sửa đổi hoặc bác bỏ kết quả đầu ra của hệ thống AI.

Từ góc độ trách nhiệm pháp lý, yêu cầu này có ý nghĩa quan trọng bởi giúp xác định phạm vi trách

nhiệm giữa con người và hệ thống AI. Trong trường hợp tổ chức triển khai không duy trì cơ chế giám sát theo yêu cầu của pháp luật, việc viện dẫn lý do “sai sót của AI” có thể không làm giảm hoặc loại trừ trách nhiệm của tổ chức triển khai

3.5. Những thách thức của chế định trách nhiệm dân sự truyền thống khi áp dụng đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo

Theo cách tiếp cận truyền thống của pháp luật dân sự Việt Nam, trách nhiệm bồi thường thiệt hại thường được xác định dựa trên các yếu tố cơ bản gồm hành vi gây thiệt hại, thiệt hại thực tế xảy ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại, đồng thời trong nhiều trường hợp phải xem xét yếu tố lỗi của chủ thể gây thiệt hại. Tuy nhiên, khi áp dụng cơ chế này đối với trí tuệ nhân tạo, nhiều khó khăn mới xuất hiện.

Trước hết, việc xác định hành vi gây thiệt hại trở nên phức tạp hơn so với các quan hệ truyền thống. Đối với một hệ thống AI, kết quả đầu ra thường không phải sản phẩm của một hành vi duy nhất mà là kết quả của quá trình tương tác giữa dữ liệu, thuật toán, mô hình học máy và môi trường vận hành thực tế. Điều này dẫn đến tình trạng rất khó xác định chính xác nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại.

Bên cạnh đó, yếu tố lỗi - vốn là nền tảng của nhiều chế định trách nhiệm dân sự - cũng đặt ra nhiều thách thức khi áp dụng đối với AI. Trong thực tiễn, một hệ thống AI có thể tạo ra kết quả không mong muốn mặc dù nhà phát triển, nhà cung cấp và bên triển khai đều đã tuân thủ đầy đủ các quy trình kỹ thuật và quản lý rủi ro. Khi đó, việc yêu cầu người bị thiệt hại chứng minh lỗi của một chủ thể cụ thể có thể trở thành nhiệm vụ gần như không thể thực hiện được.

Một khó khăn khác xuất phát từ đặc tính "hộp đen" (black-box) của nhiều hệ thống AI hiện đại. Trong nhiều trường hợp, ngay cả đội ngũ phát triển hệ thống cũng không thể giải thích đầy đủ cơ chế hình thành một kết quả cụ thể của mô hình. Điều này không chỉ làm phát sinh khó khăn trong giải quyết tranh chấp mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại.

Nghị định số 142/2026/NĐ-CP đã bước đầu giải quyết vấn đề này bằng việc yêu cầu các hệ thống AI có rủi ro cao phải thiết lập hồ sơ kỹ thuật, thẻ mô hình (Model Card), thẻ hệ thống (System Card), lưu trữ nhật ký vận hành và hồ sơ quản lý rủi ro. Các tài liệu này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc truy vết nguyên nhân sự cố và xác định căn cứ trách nhiệm khi xảy ra tranh chấp

Đối với lĩnh vực ngân hàng, thách thức nêu trên càng trở nên đáng chú ý bởi các quyết định hoặc khuyến nghị của AI có thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích tài chính của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khách hàng thường sẽ ở vị thế yếu hơn đáng kể so với tổ chức tín dụng trong việc tiếp cận thông tin kỹ thuật, dữ liệu vận hành và cơ chế hoạt động của hệ thống AI.

Chính vì vậy, nhiều quốc gia đang có xu hướng nghiên cứu các mô hình trách nhiệm pháp lý đặc thù đối với AI. Thay vì đặt toàn bộ gánh nặng chứng minh lên người bị thiệt hại, pháp luật có thể yêu cầu các chủ thể phát triển và triển khai AI thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, duy trì khả năng giải trình và chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu an toàn của hệ thống. Đây cũng là một trong những định hướng được thể hiện trong Luật Trí tuệ nhân tạo của Việt Nam thông qua các quy định về quản lý rủi ro, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, minh bạch thông tin và trách nhiệm xử lý sự cố của các chủ thể tham gia hoạt động AI.

3.6. Nghĩa vụ báo cáo và xử lý sự cố AI như một căn cứ xác định trách nhiệm pháp lý

Nghị định số 142/2026/NĐ-CP đã thiết lập cơ chế báo cáo sự cố nghiêm trọng đối với AI. Theo đó, khi xảy ra các sự cố gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm ghi nhận, khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các sự cố khẩn cấp liên quan đến tính mạng, an ninh quốc gia hoặc trường hợp không thể kiểm soát, báo cáo sơ bộ phải được thực hiện trong vòng 72 giờ kể từ thời điểm xác nhận sự cố.

Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm bởi hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ có thể trở thành tình tiết bất lợi khi xem xét trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp hoặc bên triển khai hệ thống AI

3.7. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm AI trong lĩnh vực ngân hàng

Các quy định pháp luật Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện theo 3 định hướng chính:

Thứ nhất, cần xây dựng cơ chế phân định trách nhiệm rõ ràng giữa nhà phát triển, nhà cung cấp và bên triển khai hệ thống AI. Việc xác định ranh giới trách nhiệm sẽ giúp giảm thiểu tranh chấp và nâng cao tính minh bạch của thị trường AI.

Thứ hai, cần bổ sung các quy định về nghĩa vụ giải trình và lưu trữ hồ sơ kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng chứng minh nguyên nhân phát sinh thiệt hại khi xảy ra sự cố.

Thứ ba, cần nghiên cứu cơ chế trách nhiệm pháp lý đặc thù đối với các hệ thống AI rủi ro cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhằm bảo đảm cân bằng giữa mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và yêu cầu bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

4. Kết luận

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đang đặt ra những thách thức mới đối với khoa học pháp lý nói chung và pháp luật ngân hàng nói riêng. Khác với các sản phẩm công nghệ truyền thống, AI có khả năng tạo ra các kết quả đầu ra mang tính tự chủ và thích nghi, từ đó làm phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến việc xác định trách nhiệm pháp lý khi xảy ra thiệt hại.

Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã có bước tiến quan trọng khi xác định rõ các chủ thể tham gia hoạt động AI và từng bước hình thành cơ chế trách nhiệm dựa trên vai trò của các chủ thể này. Tuy nhiên, việc áp dụng các nguyên tắc trách nhiệm dân sự truyền thống đối với các hệ thống AI vẫn còn nhiều khó khăn do đặc tính phức tạp và thiếu minh bạch của công nghệ.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, việc hoàn thiện cơ chế trách nhiệm pháp lý cần được xem là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự phát triển an toàn và bền vững của AI. Một khung pháp lý rõ ràng không chỉ giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng mà còn tạo niềm tin cho các tổ chức tín dụng trong quá trình đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2026). Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

Chính phủ. (2026). Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026 ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao.

European Parliament. (2024). Regulation (EU) 2024/1689 Laying Down Harmonised Rules on Artificial Intelligence (AI Act). Official Journal of the European Union.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2026). Dự thảo Thông tư quy định về an toàn, quản lý rủi ro và điều kiện triển khai đối với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động ngân hàng.

Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2024). OECD Principles on Artificial Intelligence. OECD Publishing.

Quốc hội. (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ban hành ngày 24/11/2015.

Quốc hội. (2024). Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, ban hành ngày 18/01/2024.

Quốc hội. (2025). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, ban hành ngày 26/06/2025.

Quốc hội. (2025). Luật Dữ liệu, ban hành ngày 31/11/2024.

Quốc hội. (2025). Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, ban hành ngày 15/02/2025.